

Số: 01/2025/QĐST-DS

Trà Vinh, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Chí Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962

Địa chỉ: khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: có ông Dương Chí Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2024.

2/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1954

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

3/ Ông Ngô Văn L, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

4/ Ông Bùi Văn C1, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

5/ Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị C và ông Dương Chí Đ thống nhất giao cho bà Phạm Thị C phần đất tranh chấp diện tích 180.3m^2 (phần đất ký hiệu A2) và phần đất diện tích 49m^2 (phần đất ký hiệu B), loại đất trồng màu, thuộc một phần thửa số 279 (theo tư liệu 1991 là thửa 543), tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh quản lý, sử dụng. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 217 có số đo dài 31.7m

Hướng Tây giáp phần ký hiệu A1 có số đo dài 35.51m

Hướng Nam giáp thửa 227 có số đo đoạn dài 6.00m và đoạn dài 1.25m.

Hướng Bắc giáp thửa 256 có số đo đoạn 5.00m và đoạn 1.92m

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 2064/CNTXDH ngày 10/12/2024)

Công nhận phần diện tích đất tranh chấp 180.3m^2 (phần đất ký hiệu A2) và phần đất diện tích 49m^2 (phần đất ký hiệu B), loại đất trồng màu, thuộc một phần thửa số 279 (theo tư liệu 1991 là thửa 543), tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh trên cho bà Phạm Thị C được quyền quản lý, sử dụng.

Bà Phạm Thị C được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 180.3m^2 (phần đất ký hiệu A2) và diện tích 49m^2 (phần đất ký hiệu B) trên theo quyết định này của Tòa án.

Bà Phạm Thị C và ông Dương Chí Đ thống nhất bà Phạm Thị C giao trả lại cho ông Dương Chí Đ phần đất tranh chấp diện tích 143.2m^2 (phần ký hiệu A1) loại đất trồng màu, thuộc một phần thửa số 279 (theo tư liệu 1991 là thửa 543), tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần ký hiệu A2 có số đo dài 35.51m

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 279 có số đo dài 37.75m

Hướng Nam giáp thửa 227 có số đo dài 4.78m

Hướng Bắc giáp thửa 256 có số đo dài 3.36m

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn 2064/CNTXDH ngày 10/12/2024)

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại quyền sử dụng đất đối với thửa số 279, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh cho ông Phạm Chí Đ1 sau khi trừ diện tích 180.3m^2 (phần đất ký hiệu A2) và diện tích 49m^2 (phần đất ký hiệu B) công nhận cho bà Phạm Thị C theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng số tiền 5.195.000 đồng. Ông Dương Chí Đ chịu 2.597.500 đồng và bà Phạm Thị C chịu 2.597.500 đồng. Ông Đ và C đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Dương Chí Đ và bà Phạm Thị C là người cao tuổi và ông, bà xin miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ và bà C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TV;
- Cục Thi hành án DS tỉnh TV;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Hùng